

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU    CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2020/DS-PT  
Ngày 28 – 9 – 2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

*- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Lập

*Các Thẩm phán:*

Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Huỳnh Văn Út

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2020/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 196/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc E, sinh năm 1968 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp 18, xã N, huyện U, tỉnh C ..

*- Bị đơn:*

1. Bà Trần Thị S, sinh năm 1974 (Có mặt);

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 18, xã N, huyện U, tỉnh C ..

*- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Tạ Quang N, sinh năm 1964 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp 18, xã N, huyện U, tỉnh C ..

*- Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn H, là bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bà Nguyễn Ngọc E trình bày:

Từ năm 2016 đến năm 2019, bà Trần Thị S vay tiền của bà và nhờ bà vay tiền, vàng dùm. Tính đến năm 2019 bà S còn nợ tiền, vàng tổng cộng là 383.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 24K, bà S có làm biên nhận nợ. Bà có yêu cầu bà S trả nợ nhưng đến nay bà S chưa trả, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn H là chồng bà S có trách nhiệm trả cho bà 16 chỉ vàng 24K và 383.000.000 đồng.

- Theo bà Trần Thị S trình bày:

Bà có vay tiền, vàng của bà E nhiều lần và số tiền, vàng còn nợ bà E như bà E trình bày là đúng. Bà đồng ý trả nợ cho bà E, nhưng hiện nay gia đình gặp khó khăn nên để bà bàn bạc với gia đình về cách trả cho bà E vì hiện nay bà còn nợ nhiều người khác.

- Theo ông Nguyễn Văn H trình bày:

Vợ ông (bà S) với bà E cùng làm hội phụ nữ ở ấp, hai người làm ăn gì với nhau thì không nói với ông nhưng bà S nợ nhiều người khác, do những người này nói cho ông biết. Ngoài ra, bà E làm chủ hội, ông có tham gia nhưng không được hót do bà E nói trừ tiền bà S thiếu. Đối với phần nợ của bà S, ông không biết nên không đồng ý cùng bà S trả nợ theo yêu cầu của bà E.

- Theo ông Tạ Quang N trình bày:

Năm 2012, điều kiện kinh tế của vợ chồng ông H, bà S khó khăn, nên có hỏi vay của nhiều người với lãi suất cao; do quen biết nên bà S có nhờ vợ ông vay tiền nhiều lần. Khi đó vợ ông có lấy tiền của gia đình cho bà S mượn và bà S nhờ vợ ông đi vay dùm của người khác; vợ ông có vay dùm của người khác đưa tiền cho bà S. Khi làm ăn thì vợ chồng ông H cùng bà S đồng lòng nhưng làm ăn thất bại. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông H và bà S có nghĩa vụ trả số tiền, vàng còn nợ cho vợ chồng ông là 383.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 24K.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số:33/2020/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc E đối với bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn H. Buộc bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn H trả cho bà Nguyễn Ngọc E và ông Tạ Quang N số tiền 383.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 24K.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/7/2020, ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm vì ông H cho rằng bà E cho bà S mượn tiền và vàng ông không biết. Ngày 21/7/2020, ông H có đơn kháng cáo bổ sung, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H xác định yêu cầu kháng cáo: Sửa bản án sơ thẩm, không buộc ông có nghĩa vụ trả nợ cùng với bà S.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Ông H phát biểu: Ông không biết việc vay nợ của bà S nên không đồng ý trả nợ cùng với bà S.

Bà E phát biểu: Yêu cầu bà S và ông H cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà và ông N.

Bà S không có ý kiến tranh luận.

Ông N phát biểu: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Nguyễn Ngọc E khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn H trả số tiền và vàng mà bà S vay và nhờ vay dùm còn nợ số tiền là 383.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 24K; bà S thừa nhận có nợ bà E số tiền 383.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 24K, bà S đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của bà E. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà E, buộc bà S và ông H trả cho bà E và ông N số tiền 383.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 24K. Bà E, bà S và ông N không có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm; riêng ông H có kháng cáo cho rằng ông không biết việc nợ của bà S nên không đồng ý có trách nhiệm cùng bà S trả nợ. Xét kháng cáo của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Việc bà S và bà E có giao dịch vay mượn tiền, vàng thời gian dài đến khi chốt nợ thì bà S còn nợ bà E số tiền 383.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 24K, bà S có làm biên nhận nợ cho bà E là có thực tế, được bà S thừa nhận. Tại phiên tòa, bà S trình bày khoản nợ nêu trên bà có sử dụng cho việc nuôi nấng linh chi, kinh doanh bán quán ăn, đóng hụi và đi xuất khẩu lao động; ông H cũng thừa nhận bà S có nuôi nấng linh chi, kinh doanh bán quán ăn, chơi hụi và đi xuất khẩu lao động, nhưng không thừa nhận khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng. Xét thấy, các khoản nợ nêu trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà S và ông H, do bà S vay tiền, vàng để phục vụ cho việc sản xuất, kinh doanh mua bán, giao dịch hụi, đi xuất khẩu lao động nhằm phát triển kinh tế của gia đình.

[3] Theo Khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”. Đồng thời, tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: “... Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình ...”.

[4] Do đó, án sơ thẩm xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông H và bà S, buộc ông H có nghĩa vụ liên đới với bà S trả nợ cho bà E và ông N với số tiền, vàng nêu trên là có căn cứ.

[5] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa là phù hợp.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm ông H phải chịu theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc E đối với bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn H.

Buộc bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn H trả cho bà Nguyễn Ngọc E và ông Tạ Quang N số tiền 383.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 24K.

*Kể từ ngày bà E và ông N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà S và ông H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn H phải chịu số tiền 22.392.000 đồng. Bà Nguyễn Ngọc E không phải chịu án phí; bà E đã dự nộp số tiền 10.940.000 đồng theo biên lai thu số 0004855 ngày 21/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Văn H phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 16/7/2020 ông H đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005072 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành*

*án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Lập**